

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST

Ngày 21-02-2025

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG THỔ, TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Văn Đoàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đèo Văn Vĩnh.

Ông Ngô Văn Thế.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Khuyên - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05a/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phàng A P, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Bản X, xã D, huyện P, tỉnh Lai Châu.

Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Chị Chang Thị S, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Bản X, xã D, huyện P, tỉnh Lai Châu.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” cùng các lời khai tại Tòa án nguyên đơn anh Phàng A P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phàng A P và chị Chang Thị S tự nguyện về chung sống và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 14/11/2016 tại Ủy ban nhân dân xã D,

huyện P, tỉnh Lai Châu. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống bình thường đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do hai vợ chồng không hợp tính nhau, không hợp nhau trong cách làm ăn, sinh hoạt từ đó vợ chồng không còn tình cảm với nhau, mặc dù đã được gia đình hòa giải nhưng hai anh chị không thể quay lại chung sống với nhau nên chị S đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống từ cuối năm 2020 đến nay. Hiện nay anh không còn tình cảm với chị S, hiện tại chị S không mang thai và không nuôi con dưới 12 tháng tuổi do vậy anh P đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với chị Chang Thị S.

- Về con chung: Anh Phàng A P và chị Chang Thị S có 01 con chung là cháu Phàng A T, sinh ngày 10/3/2012. Sau khi ly hôn anh P có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Phàng A T cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi và không đề nghị chị S phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về chia tài sản chung: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung anh Phàng A P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi anh P1 A P nộp đơn ly hôn và Tòa án thụ lý vụ án, chị Chang Thị S mặc dù biết anh P có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn và đã được Tòa án triệu tập, thông báo hợp lệ đến Tòa án để làm việc nhưng cố tình vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền thụ lý vụ án; thụ lý đơn yêu cầu ly hôn; việc xác định quan hệ tranh chấp và tư cách của đương sự trong vụ án; việc ra và gửi thông báo thụ lý cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử cùng hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký: Tại phiên tòa xét xử vụ án ngày hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã

thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do là vi phạm về nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh P1 A P và xem xét quyết định:

Về quan hệ hôn nhân: Anh P được ly hôn với chị S; Về con chung: Giao con chung tên là Phàng A T, sinh ngày 10/3/2012 cho anh P1 A P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, có khả năng lao động; Về cấp dưỡng nuôi con: Anh P không yêu cầu chị S thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét; Về chia tài sản chung: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; Về án phí: Nguyên đơn anh P được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Chang Thị S có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại bản X, xã D, huyện P, tỉnh Lai Châu, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Chị S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng cố tình vắng mặt không có lý do. Anh P có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên căn cứ khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải

được và ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Ngày 08/02/2025, Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ đã tiến hành mở phiên tòa lần thứ nhất, mặc dù được triệu tập họp lệ nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay, anh P có đơn xin xét xử vắng mặt, chị S tiếp tục vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh P và chị S là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phàng A P và chị Chang Thị S về chung sống và đăng ký kết hôn ngày 14/11/2016 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện P, tỉnh Lai Châu, việc chung sống và kết hôn đều trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh P và chị S là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh P và chị S hạnh phúc được thời gian đầu sau đó thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do hai vợ chồng không hợp tính nhau, không hợp nhau trong cách làm ăn, sinh hoạt từ đó vợ chồng không còn tình cảm với nhau, mặc dù đã được gia đình hòa giải nhưng hai anh chị không thể quay lại chung sống với nhau nên chị S đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống từ cuối năm 2020 đến nay. Hiện nay anh P không còn tình cảm, không còn yêu thương chị S nên anh xin được ly hôn với chị Chang Thị S.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Khoảng thời gian mâu thuẫn giữa anh P và chị S đã kéo dài và đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay, giữa anh P và chị S không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc nhau nữa, anh P không còn tình cảm yêu thương đối với chị S, không còn hạnh phúc khi chung sống với chị S, trong thời gian ly thân, chị S cũng không tìm cách để hàn gắn tình cảm với anh P. Xét thấy hôn nhân giữa anh P và chị S đã thực sự lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ủy ban nhân dân xã D cũng đã xác định giữa anh P và chị S có mâu thuẫn và đã sống ly thân từ cuối năm 2020 đến nay nên yêu cầu khởi kiện của anh P đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với chị S là hoàn toàn có căn cứ theo quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh Phàng A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Phàng A T, sinh ngày 10/3/2012 cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Xét thấy, trong khoảng thời gian anh, chị ly thân với nhau thì cháu T vẫn ở cùng với anh P, cháu T được tạo điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đầy đủ, không bị ai cưỡng bức, đánh đập đồng thời cháu T cũng có nguyện vọng được ở cùng bố sau khi bố, mẹ ly hôn với nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án chị S mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng cố tình không đến Tòa án để trình bày ý kiến cũng phần nào thể hiện sự thiếu trách nhiệm của người mẹ đối với con khi quan hệ hôn nhân giữa chị và anh P đang được Tòa án xem xét giải quyết. Vì vậy, để đảm bảo lợi ích tốt nhất cho sự phát triển về thể chất cũng như tinh thần của cháu Phàng A T, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao cháu T cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động là phù hợp với các điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Phàng A P không yêu cầu chị Chang Thị S phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về chia tài sản chung: Anh Phàng A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Anh Phàng A được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do vậy, quan điểm giải quyết vụ án của vị Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều

57, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phàng A P được ly hôn với chị Chang Thị S.
2. Về con chung: Giao con chung là cháu Phàng A T, sinh ngày 10/3/2012 cho anh P1 A Phử trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị Chang Thị S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.
3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Chang Thị S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.
4. Về chia tài sản chung: Anh Phàng A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.
5. Về án phí: Anh Phàng A P được miễn án phí dân sự sơ thẩm.
6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Lai Châu trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Phong Thổ;
- Chi Cục THADS huyện Phong Thổ ;
- UBND xã Đào San, huyện Phong Thổ ;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Văn Đoàn